

# HONDA

## CÔNG TY TNHH HONDA VIỆT NAM POWER PRODUCTS

Tầng 1&2, Tòa nhà Đại Minh, 77 Hoàng Văn Thái,  
P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

### HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

## MÁY PHUN THUỐC WJR2525T WJR4025T



HONDA MOTOR CO., LTD.

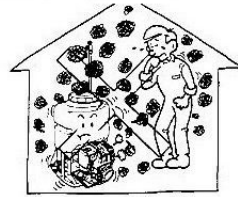
—1—

### 1. HƯỚNG DẪN AN TOÀN

KHÔNG DỪNG TRONG NHÀ HOẶC NƠI  
KHÔNG GIAN KÍN

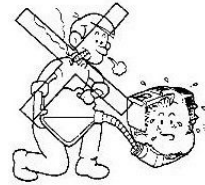


Khoảng cách tối  
thiểu 1 m (3 ft)



TRÁNH XA CÁC VẬT LIỆU DỄ CHÁY

KHI CHÁM NHIÊN LIỆU CẦN  
KHÔNG HÚT THUỐC



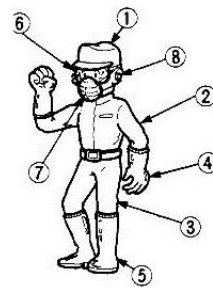
DỪNG ĐỘNG CƠ



KHÔNG LẤN TRẦN,  
RƠI VẢI NHIÊN LIỆU



MẶC QUẦN ÁO VÀ MANG THIẾT BỊ BẢO HỘ LAO ĐỘNG KHI LÀM VIỆC



1. Nón không thấm nước
2. Áo khoác dài không thấm nước
3. Quần dài không thấm nước
4. Găng tay cao su
5. Ủng cao cổ cao su
6. Kính bảo hộ
7. Khẩu trang
8. Thiết bị bịt tai

—2—

KHÔNG SỬ DỤNG MÁY PHUN THUỐC  
NẾU BAN MỆT, BỆNH (ĐẶC BIỆT LÀ  
SAU PHẪU THUẬT HOẶC BỆNH GAN), BỊ  
THƯƠNG, BỊ DỊ ỨNG VỚI MỘT SỐ  
HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP HOẶC TRONG  
THAI KỲ.



KHÔNG DỪNG MÁY PHUN  
THUỐC TRONG ĐIỀU KIỆN GIÓ  
LỚN, HOẶC TRONG THỜI GIAN  
THỜI TIẾT QUÁ NÓNG.



KHÔNG SỬ DỤNG MÁY PHUN THUỐC  
KHI CÓ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG  
XUNG QUANH KHU VỰC LÀM VIỆC  
CỦA BẠN.



HÃY NGHĨ NGÔI ĐỀU ĐÀN



ĐỌC VÀ HIỂU RÕ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI VẬN  
HÀNH MÁY PHUN THUỐC.



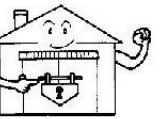
ĐỌC VÀ HIỂU RÕ TẤT CẢ CÁC CHỈ DẪN TRONG HƯỚNG  
DẪN SỬ DỤNG VÀ TRONG NHÃN TRÊN BAO BÌ CỦA  
THUỐC.

KHÔNG ĂN VÀ UỐNG  
TRONG KHI LÀM VIỆC.



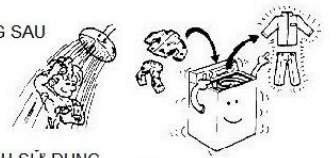
—3—

GIỮ CÁC LOẠI THUỐC/ HÓA CHẤT NÔNG NGHIỆP  
TRONG HỘP KÍN CÓ KHÓA VÀ BẢO QUẢN TRONG  
KHO.



LƯU GIỮ MÁY PHUN THUỐC VÀ CÔNG CỤ SỬ DỤNG Ở  
NƠI AN TOÀN SAU KHI SỬ DỤNG.

TẮM VÀ GIẶT QUẦN ÁO VỚI SÀ PHÒNG SAU  
KHI LÀM VIỆC.



LÀM SẠCH MÁY PHUN THUỐC VÀ DỤNG CỤ SỬ DỤNG  
HÓA CHẤT BẰNG NƯỚC. ĐỔ NƯỚC VÀO NƠI  
KHÔNG CANH TÁC THUỐC SƠ HỮU CỦA BẠN.



KHÔNG CHẠM VÀO ĐỘNG CƠ KHI NÓ ĐANG HOẠT  
ĐỘNG HOẶC NGAY KHI ĐỘNG CƠ VỪA DỪNG.



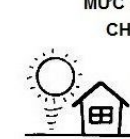
DỪNG ĐỘNG CƠ NGAY LẬP TỨC NẾU  
CÓ MÙI LA, RUNG, TIẾNG KÊU LA HOẶC  
CÓ BẤT KỲ SỰ BẤT THƯỜNG NÀO KHÁC.

### 2. KIỂM TRA TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

MỨC NHỚT

CHÚ Ý: Phải chắc chắn động cơ phải được đặt trên  
mặt phẳng ngang và động cơ đã dừng hẳn.

1. Kiểm tra mức nhớt bôi trơn trong điều  
kiện máy nằm trên mặt phẳng ngang.

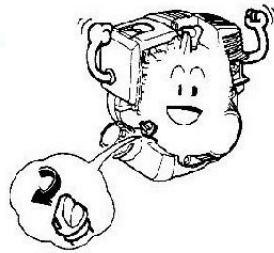


—4—

2. Châm nhớt cho đến mức vừa chớm tràn ra  
cổ châm nhớt



NHỚT ĐỘNG CƠ 4 THỂ  
LOẠI SAE 10W-30 API  
SE, SF, SG



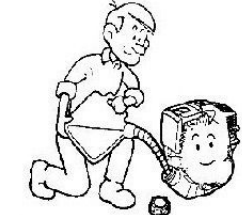
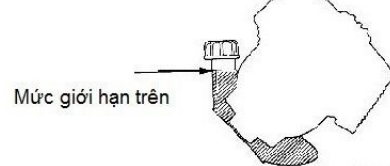
MỨC NHIÊN LIỆU



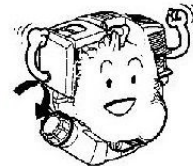
1. Kiểm tra mức nhiên liệu từ bên  
ngoài bình nhiên liệu



2. Nếu nhiên liệu ở mức thấp, châm thêm  
nhiên liệu lên đến mức giới hạn trên.



Không sử dụng nhớt/ xăng  
bị pha trộn hoặc xăng bẩn



LỌC GIÓ



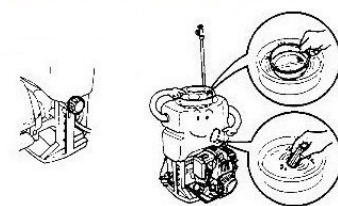
1. Kiểm tra bụi bẩn trong lõi lọc gió.
2. Nếu lõi lọc bị bẩn, phải vệ sinh lõi lọc.

LỌC BÌNH THUỐC

1. Kiểm tra bụi bẩn ở mức trên và mức dưới lọc.
2. Vệ sinh lọc bằng cách cọ rửa nó trong nước.



ĐỔ THUỐC VÀO BÌNH



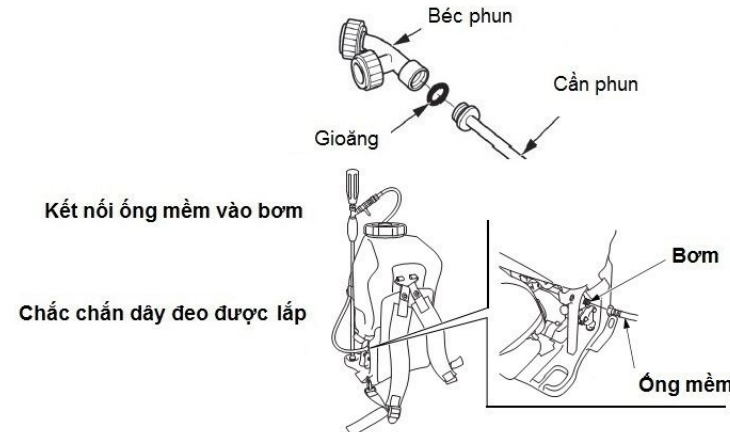
LẮP RÁP VỚI PHUN

1. Nối đoạn ống mềm vào  
van điều chỉnh lưu lượng.

2. Nối cán phun vào van  
điều chỉnh lưu lượng.
3. Nối béc phun vào cán phun

Phải chắc chắn rằng việc lắp gioăng và kết nối từng phần cẩn thận và an toàn.

—6—



Kết nối ống mềm vào bơm

Chắc chắn dây đeo được lắp

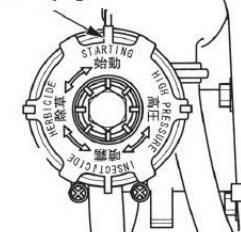
Phải chắc chắn rằng móc của dây  
đeo phải được móc vào pass

Dây đeo

### 3. KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ

Không sử dụng máy phun thuốc  
khi chỉ có rất ít thuốc trong bình.

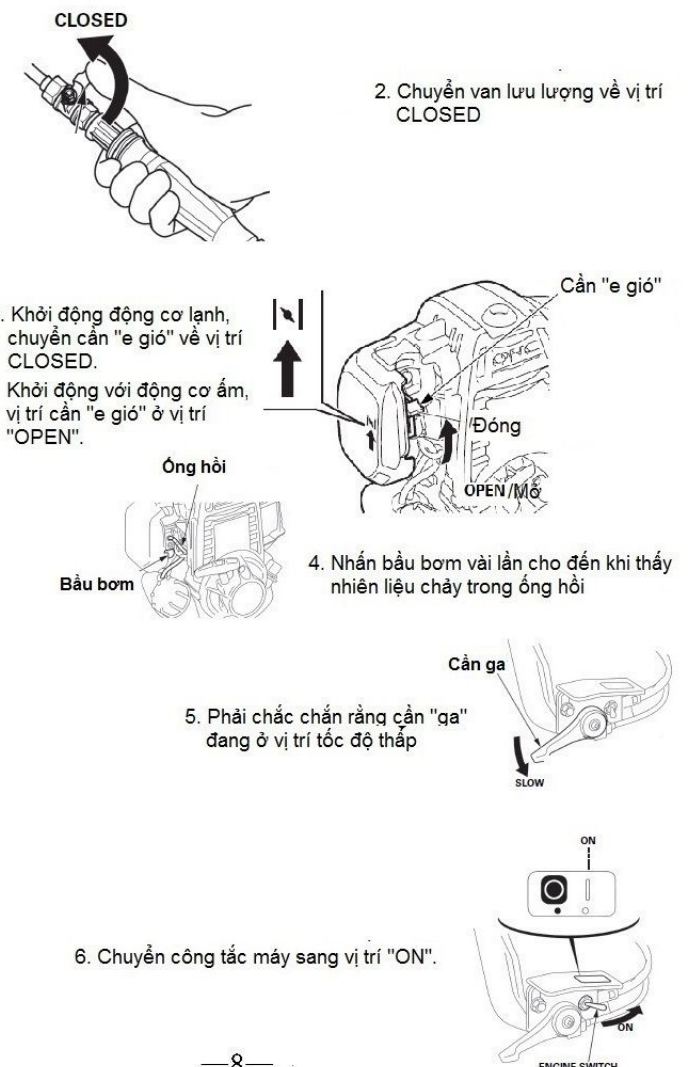
Vị trí  
khởi động



1. Chuyển van áp lực về vị trí  
Starting

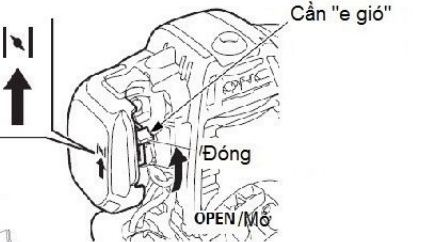


—7—

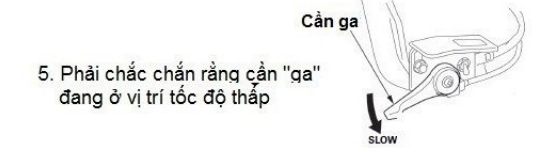


2. Chuyển van lưu lượng về vị trí  
CLOSED

3. Khởi động động cơ lạnh,  
chuyển cần "e gió" về vị trí  
CLOSED.  
Khởi động với động cơ ấm,  
vị trí cần "e gió" ở vị trí  
"OPEN".



4. Nhấn bầu bơm vài lần cho đến khi thấy  
nhiên liệu chảy trong ống hồi



5. Phải chắc chắn rằng cần "ga"  
đang ở vị trí tốc độ thấp

6. Chuyển công tắc máy sang vị trí "ON".

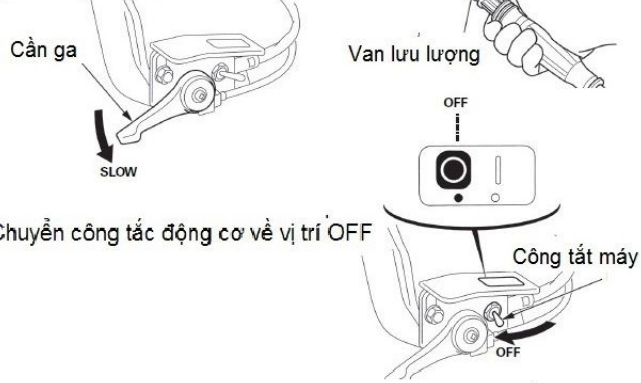
—8—





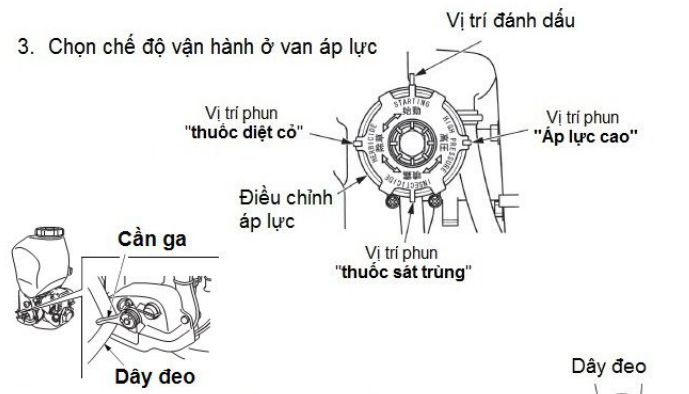
#### 4. DỪNG ĐỘNG CƠ

1. Chuyển van lưu lượng về vị trí đóng CLOSED
2. Chuyển cần "ga" về vị trí tốc độ thấp SLOW.



#### 5. SỬ DỤNG

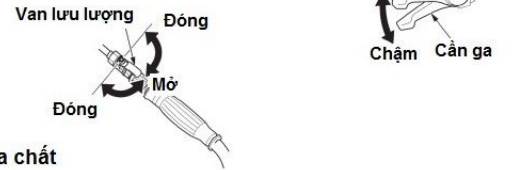
1. Khởi động động cơ (xem trang 9)
2. Chắc chắn rằng cần "ga" ở mức tốc độ thấp SLOW



4. Đặt máy phun thuốc trên mặt phẳng.
5. Chắc chắn rằng dây đeo không vướng cần ga, và tháo cần phun ra khỏi pass giữ.

Sau đó mang bình phun lên lưng:  
+ Đeo dây lên vai để mang bình phun thuốc.  
+ Điều chỉnh dây đeo cho phù hợp.

6. Di chuyển cần "ga" đến vị trí mong muốn và điều chỉnh van lưu lượng khi thực hiện phun thuốc



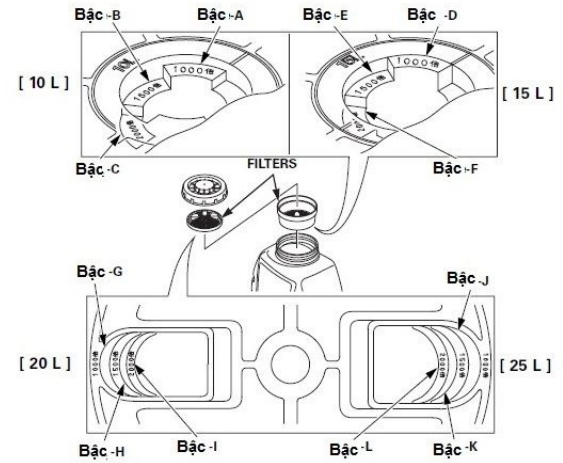
#### Pha hóa chất

Đọc hướng dẫn sử dụng hóa chất một cách cẩn thận. Luôn luôn làm theo hướng dẫn, biện pháp phòng ngừa và xử lý hóa chất.

1. Tháo O2 lọc của bình thuốc. Mặt dưới của cốc lọc có thể dùng để đo lường hóa chất.
2. Tùy thuộc vào lượng nước trong bình và tỉ lệ pha loãng mong muốn mà liều lượng hóa chất có thể thay đổi.

Để đo liều lượng thích hợp của hóa chất này, hãy tham khảo bảng dưới đây:

| Lượng nước trong thùng<br>Tỉ lệ pha hóa chất | 10 L   | 15 L   | 20 L   | 25 L   |
|--|--------|--------|--------|--------|
| 1:1000                                       | Bậc -A | Bậc -D | Bậc -G | Bậc -J |
| 1:1500                                       | Bậc -B | Bậc -E | Bậc -H | Bậc -K |
| 1:2000                                       | Bậc -C | Bậc -F | Bậc -I | Bậc -L |



#### Khi sử dụng

- + Không hướng vòi phun vào người.
- + Luôn chú ý đến lượng hóa chất còn lại trong thùng thuốc. Máy hoạt động với một lượng ít thuốc trong thùng sẽ làm HỒNG bom.



#### Sau khi sử dụng

Khi xử lý hóa chất nông nghiệp, phải theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối. Ngoài ra, phải theo qui định của pháp luật và quy định.

1. Dừng động cơ (xem trang 10).
2. Sau khi làm mát động cơ, mở nắp xả bình thuốc để xả hết nước và hóa chất nông nghiệp trong bình



3. Lắp lại nắp xả bình thuốc và loại hóa chất khỏi bình bằng cách đổ nước sạch vào bình để rửa bên trong.
4. Khởi động động cơ một lần nữa (xem trang 9) và di chuyển cần ga giữa 2 vị trí FAST và vị trí SLOW (xem trang 12). Điều chỉnh van lưu lượng vài lần, cho máy hoạt động và phun một vài phút. Tháo nắp xả một lần nữa để nước trong bình thoát hết ra ngoài.

5. Gắn cần phun vào pass giữ cần phun.

#### 7. BẢO DƯỠNG MÁY

Kiểm tra định kỳ và điều chỉnh máy là rất cần thiết để máy luôn hoạt động tốt và hiệu suất cao. Bảo dưỡng thường xuyên giúp kéo dài tuổi thọ máy. Các kĩ bảo dưỡng cần thiết và các chi tiết bảo dưỡng phải được thực hiện như "LIỆCH BẢO DƯỠNG" bên dưới.

#### CHÚ Ý:

- + Trước khi thực bảo dưỡng, phải đặt máy trên một mặt phẳng ngang, động cơ dừng hoàn toàn, đảm bảo công tắc máy đang ở vị trí OFF để động cơ không thể khởi động trong mọi trường hợp.
- + Máy phun thuốc phải được bảo dưỡng, sửa chữa bởi đại lý được ủy nhiệm của Honda; trừ khi chủ sở hữu có đủ công cụ thích hợp, đủ tài liệu tham khảo và bản thân đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện bảo dưỡng máy.

**THẬN TRỌNG:** Chỉ dùng phụ tùng chính hãng của Honda hoặc tương đương để bảo dưỡng, sửa chữa. Những phụ tùng không chính hãng hoặc chất lượng không tương đương có thể làm hỏng máy.

#### LIỆCH BẢO DƯỠNG MÁY

| Mục                | Thực hiện định kỳ theo tháng hoặc giờ tùy thời gian nào đến trước | Mỗi lần sử dụng | Tháng thứ 1 hoặc 10 giờ đầu | Mỗi 3 tháng hoặc 25 giờ                | Mỗi 6 tháng hoặc 50 giờ | Mỗi năm hoặc 100 giờ | Mỗi 2 năm hoặc 300 giờ |
|--------------------|---|-----------------|-----------------------------|--|-------------------------|----------------------|------------------------|
| Nhớt máy           | Kiểm tra Thay   | o               | o                           | o                                      |                         |                      |                        |
| Air cleaner        | Kiểm tra Vệ sinh  | o               |                             | o (1)                                  |                         |                      |                        |
| Bugì               | Kiểm tra - điều chỉnh Thay thế                                    |                 |                             |  | o                       |                      | o                      |
| Bộ phận tản nhiệt  | Vệ sinh   |                 |                             |  | o                       |                      |                        |
| Đai ốc, bulong Vít | Kiểm tra (siết lại nếu cần thiết)                                 | o               |                             |  |                         |                      |                        |
| Cấp ga             | Kiểm tra  | o               |                             |  |                         |                      |                        |
| Bổ và mâm ly hợp   | Kiểm tra  |                 |                             |  | o (2)                   |                      |                        |
| Tốc độ cảm chừng   | Kiểm tra - điều chỉnh   |                 |                             |  |                         | o (2)                |                        |
| Khe hở xú páp      | Kiểm tra - điều chỉnh   |                 |                             |  |                         | o (2)                |                        |
| Buồng đốt          | Vệ sinh   |                 |                             | Sau mỗi 300 giờ. (2) (4)               |                         |                      |                        |
| Lọc xăng           | Vệ sinh   |                 |                             |  |                         | o                    |                        |
| Bình xăng          | Vệ sinh   |                 |                             |  |                         | o                    |                        |
| Ống xăng           | Kiểm tra  |                 |                             | Mỗi 2 năm (thay thế nếu cần thiết) (2) |                         |                      |                        |
| Ống nhớt           | Kiểm tra  |                 |                             | Mỗi 2 năm (thay thế nếu cần thiết) (2) |                         |                      |                        |
| Bình thuốc và lọc  | Kiểm tra - Vệ sinh  | o               |                             |  |                         |                      |                        |

- (1) Bảo dưỡng thường xuyên hơn khi sử dụng ở nơi nhiều bụi bặm.
- (2) Các mục này cần được thực hiện bởi đại lý ủy nhiệm của Honda, trừ khi bạn có đủ dụng cụ và tay nghề để thực hiện.
- (3) Đối với máy dùng cho thuê/sử dụng nhiều, hãy ghi lại giờ hoạt động để xác định khoảng thời gian bảo dưỡng thích hợp.
- (4) Vui lòng thực hiện ngay khi đến thời gian trong bảng trên.

#### 1. Thay nhớt

Xả nhớt khi động cơ vẫn còn ẤM để đảm bảo nhớt chảy ra nhanh chóng và nhiều nhất. Đặt máy trên một mặt phẳng ngang vững chắc và động cơ đã dừng hoàn toàn.

1. Kiểm tra nắp bình nhiên liệu đã được vặn chặt một cách an toàn.
2. Mở nắp nhớt và đổ nhớt ra ngoài, nhớt đổ phải được chứa trong thùng.
3. Châm nhớt vào đến mức chớm tràn ra ngoài là đủ. Châm nhớt từ từ để không bị tràn ra ngoài vì cạc te nhớt rất nhỏ.

#### DUNG TÍCH NHỚT: WJR2525T - 0.08 LÍT WJR4025T - 0.1 LÍT



4. Lắp lại nắp nhớt.

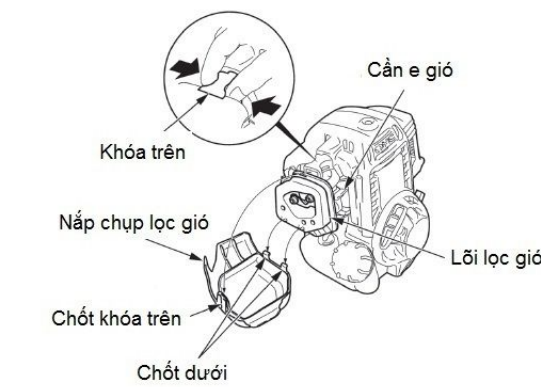
Nếu nhớt tràn hoặc rơi vãi, hãy chắc chắn rằng phải lau sạch nó. Rửa tay thật kỹ với xà phòng và nước sau khi thay nhớt.

**Chú ý:** Bỏ nhớt thải một cách thích hợp để bảo vệ môi trường. Chúng tôi đề nghị bạn chứa nhớt thải trong một thùng kín và để chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý. Không vứt nhớt thải vào thùng rác hoặc đổ nó trên mặt đất, hoặc đổ xuống cống rãnh, ao hồ.

#### 2. Bảo dưỡng lọc gió:

**THẬN TRỌNG:** Không bao giờ chạy động cơ mà không có không có lọc gió. Việc không có lọc gió sẽ làm hỏng động cơ.

1. Chuyển cần e gió về vị trí CLOSED.
2. Tháo nắp chụp lọc gió khỏi 1 khóa phía trên định lọc và 2 chốt phía dưới lọc.
3. Giặt sạch lõi lọc bằng dầu lửa hoặc dung môi, sau đó làm khô nó thật kỹ.
4. Ngâm lõi lọc trong nhớt sạch và vắt ráo (không vặn xoắn sẽ làm hỏng lõi lọc).
5. Lắp lại lõi lọc sau khi đã xử lý.
6. Lắp lại nắp chụp lọc gió bằng cách lắp vào O2 chốt bên dưới trước và san đó ấn vào chốt khóa trên đỉnh lọc.



#### 3. BẢO DƯỠNG BUGI

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng bugi đánh lửa không đều.

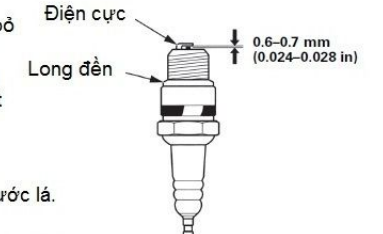
Để đảm bảo động cơ hoạt động tốt, khe hở bugi phải đúng chuẩn và được vệ sinh sạch sẽ

1. Nới lỏng bulong 5mm, sau đó tháo vỏ chụp động cơ. Không khởi động động cơ trong tình trạng không có vỏ chụp động cơ.



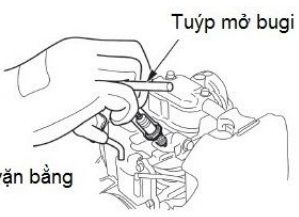
2. Tháo nắp chụp bugi, loại bỏ bụi bẩn từ xung quanh khu vực bugi.
3. Sử dụng tuýp đúng kích thước và tháo bugi ra.

4. Kiểm tra bugi bằng mắt. Loại bỏ các bugi nếu bugi bị nứt, hoặc nếu chất cách điện bị nứt hoặc sứt mẻ. Làm sạch bugi với một bàn chải cứng nếu nó được tái sử dụng.
5. Đo khoảng cách khe hở bằng thước lá. Điều chỉnh khi cần thiết bằng cách uốn cong các điện cực phụ.



6. Kiểm tra đệm (long đèn) còn trong tình trạng tốt, và dùng các sợi cước nhỏ làm sạch phía trong khe hở.

7. Sau khi lắp bugi vào, siết chặt bằng tuýp bugi



#### CHÚ Ý:

Khi lắp bugi mới, siết 1/2 vòng sau khi vặn bằng tay để ép long đèn.

Khi lắp bugi đã qua sử dụng, siết 1 / 8-1 / 4 vòng sau khi vặn bằng tay để ép long đèn.

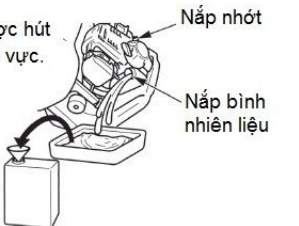
8. Gắn nắp chụp bugi vào.
9. Lắp nắp vỏ chụp động cơ, siết chặt bulong 5mm một cách an toàn.

**THẬN TRỌNG:** Bugi phải được siết chặt một cách chính xác và an toàn. Bugi được siết không đúng cách sẽ rất nóng và có thể làm hỏng động cơ.

#### 4. Bảo dưỡng lọc nhiên liệu

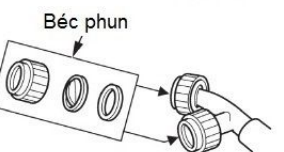
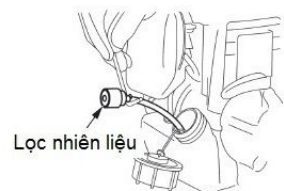
**CẢNH BÁO:** Xăng dầu rất dễ cháy nổ, Không được hút thuốc hoặc có lửa, tia lửa trong khu vực.

1. Kiểm tra và đóng chặt nắp nhớt một cách an toàn.
2. Tháo nắp bình nhiên liệu và đổ nhiên liệu vào thùng chứa bằng cách nghiêng bình về phía cổ châm nhiên liệu.





- Kéo bộ lọc nhiên liệu nhẹ nhàng ra khỏi bình nhiên liệu bằng 1 dây cứng có móc ở một đầu.
- Kiểm tra bộ lọc nhiên liệu: Nếu bộ lọc nhiên liệu bẩn, rửa sạch nhẹ nhàng bằng dầu lửa; nếu bộ lọc nhiên liệu quá bẩn thì hãy thay thế nó.
- Lắp bộ lọc nhiên liệu vào thùng nhiên liệu và thắt chặt nắp bình nhiên liệu một cách an toàn.



### 5. Vệ sinh bình xăng

**CẢNH BÁO:** Xăng rất dễ cháy nổ. Không hút thuốc hoặc có lửa, tia lửa trong khu vực.

- Kiểm tra và vặn chặt nắp nhớt một cách an toàn.
- Tháo nắp bình xăng và đổ xăng vào thùng chứa bằng cách nghiêng máy về phía cổ bình xăng.
- Kéo nhẹ nhàng bộ lọc nhiên liệu ra ngoài với 1 dây cứng có móc ở một đầu.
- Loại bỏ bụi bẩn trong bình xăng bằng cách cọ rửa bên trong bình với dầu lửa hoặc dung môi.
- Lắp bộ lọc xăng vào bình và vặn chặt nắp bình xăng một cách an toàn.

### 6. Vệ sinh cánh tản nhiệt

Kiểm tra cánh tản nhiệt bằng cách nhìn qua vỏ chụp động cơ. Nếu có cỏ khô, lá cây, bùn, bụi bám vào, liên hệ với đại lý ủy nhiệm của Honda để làm sạch nó.

### 7. Tháo lắp và bảo dưỡng béc phun

Nếu thuốc phun ra không đều, thì tháo rời béc phun ra và bảo dưỡng nó.

Nếu có bất kỳ vết bẩn hoặc cát, bụi hãy làm sạch nó. Nếu béc phun bị hư hỏng, hãy thay thế nó.

## 8. VẬN CHUYỂN/ BẢO QUẢN

### Vận chuyển

Nếu máy phun thuốc đã chạy, phải để nguội trước khi vận chuyển trên các phương tiện vận tải. Một động cơ nóng và hệ thống ống xả nóng có thể làm bỏng bạn và có thể làm cháy một số vật liệu. Khi vận chuyển, luôn luôn bật công tắc động cơ về vị trí OFF. Hãy chắc chắn rằng nắp bình nhiên liệu và nắp nhớt được vặn chặt và an toàn.

### CẢNH BÁO:

Để tránh bị bỏng hoặc nguy cơ hỏa hoạn, phải để động cơ nguội trước khi vận chuyển máy phun thuốc hoặc lưu trữ nó trong nhà.

Khi vận chuyển máy phun thuốc, vặn chặt các nắp nhiên liệu, nắp nhớt để ngăn chặn rò rỉ nhiên liệu, nhớt, hơi nhiên liệu hoặc nhiên liệu tràn ra ngoài có thể bốc cháy.

### LƯU TRỮ

Trước khi lưu trữ máy phun thuốc thời gian dài cần:

- Thực hiện theo các bước của "Sau khi hoạt động" (xem trang 14 ).
- Tháo nước ra khỏi buồng bơm và làm khô buồng bơm.
- Tháo hết xăng ra khỏi bình xăng.
- Thay nhớt mới cho động cơ.
- Vệ sinh lọc gió.
- Bôi trơn cho lòng xi lanh:
  - + Tháo vỏ chụp động cơ,
  - + Tháo bugi và nhỏ vài giọt nhớt sạch vào động cơ.
  - + Lắp vỏ chụp động cơ vào tạm thời.
  - + Giặt tay nắm giặt vài lần cho nhớt phân tán đều trong xi lanh.
  - + Tháo vỏ chụp động cơ và lắp bugi vào.
  - + Lắp vỏ chụp động cơ và siết chặt bulong 5mm.
- Kéo tay nắm giặt nhẹ cho đến khi có cảm giác nặng tay thì dừng lại.
- Bọc động cơ lại để tránh bụi.
- Lưu trữ máy phun thuốc trong kho một an toàn, tránh trẻ em hoặc gia súc tiếp xúc với máy, tránh nơi bụi, ẩm ướt, tránh xa tia lửa. Đậy máy bằng một bạt hoặc tấm nhựa khi bảo quản.

## 9. XỬ LÝ SỰ CỐ

### Khi động cơ không khởi động được, kiểm tra:

- Công tắc động cơ ở vị trí ON?
- Có xăng trong bình xăng?
- Xăng đã lên đến bình xăng con? Để kiểm tra, hãy bấm bầu bơm để bơm xăng lên bình xăng con.
- Bugie đang trong tình trạng tốt? Tháo và kiểm tra bugie, vệ sinh sạch sẽ, điều chỉnh khe hở và làm khô bugie. Thay thế nó nếu cần thiết.

Nếu động cơ vẫn không khởi động được, hãy mang nó đến đại lý được Honda ủy nhiệm.

### Khi xịt thuốc ra không ổn định/ không ra thuốc:

Phun không ra thuốc

- Kiểm tra tốc độ động cơ
- Áp lực phun không tăng
- Kiểm tra vòi phun xem có bị tắc nghẽn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
- Tháo và bảo dưỡng béc phun.

Nếu vẫn không phun được, hãy mang đến đại lý được ủy nhiệm của Honda.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY PHUN THUỐC WJR 2525T

|                   | Kiểu đầu bơm                    | Ty bơm nằm ngang                              |
|-------------------|---------------------------------|---|
| <b>ĐẦU BOM</b>    | Áp lực phun lúc vận hành        | 2.5 MPa (25 kgf/cm <sup>2</sup> , 356 psi) *1 |
|                   | Lưu lượng tối đa                | 6.6 lít/phút *                                |
|                   | Kiểu truyền động                | Bổ ly hợp                                     |
|                   | Dung tích nhớt đầu bơm          | 0.12 Lit                                      |
|                   | <b>ĐỘNG CƠ</b>                  | Loại máy                                      |
|                   | Kiểu máy                        | 4 thì, 1 xilanh, cam treo                     |
|                   | Dung tích xi lanh               | 25 cc   |
|                   | Công suất cực đại (SAE J607a)   | 0.81 kW (1.1 mã lực) / 7,000 v/p              |
|                   | Công suất cực đại (SAE J1349)*2 | 0.72 kW (1.0 mã lực) / 7,000 v/p              |
|                   | Kiểu đánh lửa                   | Transistor từ tính (IC)                       |
|                   | Kiểu khởi động                  | Bằng tay                                      |
|                   | Dung tích bình xăng             | 0.53 lít                                      |
|                   | Dung tích nhớt                  | 0.08 lít                                      |
| <b>BÌNH CHỨA</b>  | Dung tích bình chứa             | 25 lít  |
| <b>KÍCH THƯỚC</b> | Kích thước phủ bì (DxRxC)       | (390 x 415 x 695) mm                          |
|                   | Trọng lượng khô *3              | 12.0 Kg                                       |

\*1: tại tốc độ 7000 v/p

\*2: Công suất cực đại đo theo tiêu chuẩn SAE J1349 được đo với động cơ có đầy đủ lọc gió và bộ lọc tiêu chuẩn của nhà sản xuất mà không có hệ thống điều tốc. Đối với động cơ sản xuất hàng loạt thì những giá trị này có thể thay đổi. Công suất thực tế của những động cơ đã được đưa vào hoạt động công tác sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tốc độ hoạt động của động cơ, điều kiện môi trường, cách thức bảo dưỡng và nhiều yếu tố khác.

\*3: bao gồm nhớt đầu bơm

*Ghi chú: một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không báo trước*

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY PHUN THUỐC WJR 4025T

|                   | Kiểu đầu bơm                    | Ty bơm nằm ngang                              |
|-------------------|---------------------------------|---|
| <b>ĐẦU BOM</b>    | Áp lực phun lúc vận hành        | 4.0 MPa (40 kgf/cm <sup>2</sup> , 569 psi) *1 |
|                   | Lưu lượng tối đa                | 8.0 lít/phút *                                |
|                   | Kiểu truyền động                | Bổ ly hợp                                     |
|                   | Dung tích nhớt đầu bơm          | 0.12 Lit                                      |
|                   | <b>ĐỘNG CƠ</b>                  | Loại máy                                      |
|                   | Kiểu máy                        | 4 thì, 1 xilanh, cam treo                     |
|                   | Dung tích xi lanh               | 35.8 cc                                       |
|                   | Công suất cực đại (SAE J607a)   | 1.2 kW (1.6 mã lực) / 7000 v/p                |
|                   | Công suất cực đại (SAE J1349)*2 | 1.0 kW (1.4 mã lực) / 7,000 v/p               |
|                   | Kiểu đánh lửa                   | Transistor từ tính (IC)                       |
|                   | Kiểu khởi động                  | Bằng tay                                      |
|                   | Dung tích bình xăng             | 0.63 lít                                      |
|                   | Dung tích nhớt                  | 0.1 lít                                       |
| <b>BÌNH CHỨA</b>  | Dung tích bình chứa             | 25 lít  |
| <b>KÍCH THƯỚC</b> | Kích thước phủ bì (DxRxC)       | (400 x 415 x 695) mm                          |
|                   | Trọng lượng khô *3              | 12.5 Kg                                       |

\*1: tại tốc độ 7000 v/p

\*2: Công suất cực đại đo theo tiêu chuẩn SAE J1349 được đo với động cơ có đầy đủ lọc gió và bộ lọc tiêu chuẩn của nhà sản xuất mà không có hệ thống điều tốc. Đối với động cơ sản xuất hàng loạt thì những giá trị này có thể thay đổi. Công suất thực tế của những động cơ đã được đưa vào hoạt động công tác sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tốc độ hoạt động của động cơ, điều kiện môi trường, cách thức bảo dưỡng và nhiều yếu tố khác.

\*3: bao gồm nhớt đầu bơm

*Ghi chú: một vài thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không báo trước*

## GHI CHÚ

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

## GHI CHÚ

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

## GHI CHÚ

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----

-----